

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG DANH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG DANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502417402

**3. Ngày thành lập:** 17/02/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 16 Triệu Việt Vương, Phường 4, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4101(Chính) |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4102        |
| 3.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4212        |
| 4.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4221        |
| 5.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4222        |
| 6.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng                                                                                                                                                                                                                                               | 4299        |
| 7.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4311        |
| 8.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4312        |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4322        |
| 10. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4330        |
| 11. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết: Hoạt động xây dựng chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                             | 4390        |
| 12. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4329        |
| 13. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép; Bán buôn kim loại                                                                                                                                                                                                                                                      | 4662        |
| 14. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4663        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 15. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim ; Bán lẻ sơn, màu, véc ni; Bán lẻ kính xây dựng; Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác; Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh; Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4752 |
| 16. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7730 |
| 17. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Hoạt động kiến trúc; Hoạt động đo đạc và bản đồ; Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, dự thầu, đấu thầu; tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu; Giám sát thi công công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát thi công xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống ...); Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp giao thông (cầu, đường, cống ...), Giám sát lắp đặt thiết bị công trình dân dụng công nghiệp; Giám sát công trình thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật;Thẩm tra hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán và tổng dự toán công trình xây dựng; Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình | 7110 |
| 18. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7120 |
| 19. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7410 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | BÙI TẤN CÔNG   | 16 Triệu Việt Vương, Phường 4, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam  | 500.000.000           | 50,000    | 077073001266                                                                                                                                      |         |
| 2   | PHẠM VĂN ĐÀ    | Thôn Lang Châu Bắc, Xã Duy Phước, Huyện Duy Xuyên, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam          | 500.000.000           | 50,000    | 205227895                                                                                                                                         |         |

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

Thời gian đăng từ ngày 17/02/2020 đến ngày 18/03/2020

\* Họ và tên: BÙI TẤN CÔNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 22/03/1973

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 077073001266

Ngày cấp: 24/12/2019

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 16 Triệu Việt Vương, Phường 4, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 16 Triệu Việt Vương, Phường 4, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu